

## TRUNG TÂM TÍN NGƯỠNG NGƯỜI MINH HƯƠNG (THIÊN HẬU CUNG) QUA SO SÁNH VỚI LÀNG THANH PHƯỚC

(Belief center of Minh Huong (Thien Hau Cung)  
in comparison with the Thanh Phuoc village's)<sup>(\*)</sup>

Trong bài này, tác giả sẽ tìm hiểu quá trình của một tập đoàn di dân gốc miền Nam Trung Quốc (người Minh Hương) đã thích nghi và hội nhập vào xã hội Việt Nam (người Kinh) từ cách đây 350 năm cho đến nay.

So với miền Bắc-trung tâm của nó là đồng bằng sông Hồng, văn hóa và xã hội Huế được hình thành tương đối muộn, chịu ảnh hưởng của môi trường lịch sử-địa lý vùng miền Trung, lại có Kinh đô cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam được đặt tại đây, nên có một tính đặc thù độc đáo. Hơn nữa, vùng này chưa chịu ảnh hưởng trực tiếp của công nghiệp hóa như Sài Gòn, Hà Nội nên nó bảo lưu bản sắc văn hóa đậm đà. Trong bài này, tác giả cố gắng trình bày sự ảnh hưởng của tín ngưỡng làng người Kinh miền Trung như trên đối với người Minh Hương-hậu duệ nhà Minh đã di cư từ Trung Quốc vào thời điểm hình thành vương triều chúa Nguyễn với một số tư liệu cụ thể.

Di tích Thiên Hậu Cung ở làng Minh Thanh-ngoại ô Huế là một di tích trung tâm tín ngưỡng người Minh Hương-một tộc người nửa Hoa nửa Kinh khá đặc thù. Dựa vào các tài liệu của tác giả và của nhóm Noma-Nishimura (2009), tác giả sẽ tiếp cận mấy đặc điểm của nó qua so sánh với làng Thanh Phước-một trong những làng người Kinh điển hình ở Huế.

<sup>(\*)</sup> **GS. Suenari Michio, Nghiên cứu viên thuộc Đông Dương Văn Khố, Nhật Bản** (Professor, Visiting Researcher, The Tōyō Bunko Library, Japan)  
Bản dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt: **TS. Shin'e Toshihiko, Nghiên cứu viên thuộc Đại học Kyoto, Nhật Bản** (Translator, Researcher, Kyoto University, Japan)

### 1. Làng người Kinh miền Bắc và các kiến trúc tôn giáo ở làng

Hệ thống kiến trúc tôn giáo ở làng người Kinh có một số khác biệt giữa miền Bắc và miền Trung. Có thể hình dung sơ lược những đặc điểm của kiến trúc tôn giáo ở các làng miền Bắc qua trường hợp nghiên cứu tại làng Triều Khúc-ngoại ô Hà Nội.<sup>1</sup>

Làng có 2 kiến trúc tôn giáo chính là đình và chùa. Bên cạnh đó, làng lại có một số đền thờ các vị thần như Quan Công, Trần Hưng Đạo, Thánh Mẫu, thờ những người có công cho làng. Các xóm (xóm là một đơn vị cộng đồng dưới làng) thì có quán. Còn có một số kiến trúc khác như nhà thờ họ, miếu nhỏ bên đường (Cai Hương), lăng mộ...

Đình Triều Khúc thờ thần Bó Cái Đại Vương, là một nhân vật chống nhà Đường thời Bắc thuộc. Không gian đình chia thành hai phần: Đại đình là không gian sinh hoạt, Sắc đình là nơi bảo quản sắc phong được triều đình tấn phong. Đây là trung tâm thờ cúng của làng trong tất cả các dịp lễ hội lớn nhỏ. Trước năm 1945, đây còn là nơi tổ chức cuộc họp hội đồng tộc trưởng để bàn bạc, quyết định một số vấn đề ngoài tín ngưỡng. Hiện nay, cuộc họp được tổ chức tại đây chỉ bàn bạc về tế lễ, lễ hội nhưng chúng ta có thể thấy được dấu vết còn lại về cách bàn bạc xưa qua cách bàn bạc dựa vào ý kiến của bô lão trong làng. Trong thời gian tác giả khảo sát (những năm 1994-1995), tác giả đã chứng kiến dân làng tổ chức hội đồng tộc trưởng về tế lễ, lễ hội tại đây.

Chùa là nơi tổ chức các sinh hoạt vào những ngày lễ, như Tết Nguyên đán, Phật đản, Tết Trung nguyên... Tín đồ Phật giáo lớn tuổi (chủ yếu là phụ nữ) định kỳ tập trung tại đây tổ chức Chân Quy Hội để đọc kinh và niệm Phật. Các sinh hoạt nhập hạ, xuất hạ được tổ chức tại quán xóm cũng vốn là sinh hoạt của chùa. Ở đây, tác giả đã thấy ảnh hưởng Phật giáo khá rộng rãi, như người tổ chức sinh hoạt là thầy cúng, nhờ cư sĩ trú trì chùa hướng dẫn cách tổ chức sinh hoạt.

<sup>1</sup> Suenari 1998: trang 39-42.

## 2. Làng người Kinh miền Trung và các kiến trúc tôn giáo ở làng

Tương truyền, hệ thống làng người Kinh miền Trung được di dân từ miền Bắc hình thành. Các yếu tố cơ bản về hệ thống kiến trúc tôn giáo như đình, chùa đều theo cùng một mô hình của miền Bắc. Tuy nhiên, các chi tiết như nội dung và vị trí của thần Thành hoàng, vai trò của chùa có không ít sự khác biệt. Ví dụ, mặc dù chức năng chính của chùa là thờ Phật, nhưng còn có chức năng thờ cúng ngoài Phật giáo, là trung tâm hoạt động tín ngưỡng của dân làng. Theo quan sát của tác giả, hiện nay, nội dung hoạt động tín ngưỡng được tổ chức tại chùa đang có xu hướng hạn chế các hoạt động ngoài Phật giáo do ảnh hưởng của Phong trào Chấn hưng Phật giáo bắt đầu từ thập niên 1930. Theo lý thuyết mới này, ở nhiều địa phương tại Huế, hoạt động Phật giáo trong chùa kết hợp với các hoạt động Phật tử trong gia đình và phát triển mạnh mẽ, lôi kéo giới trẻ đến chùa, giảm đi các yếu tố ngoài Phật giáo.<sup>2</sup>

### 2.1. Trường hợp làng Thanh Phước

Khai tổ làng Thanh Phước là Phan Niêm- một công thần triều Lê Thánh Tông (thế kỷ XV). Quy mô làng đã phát triển đến 350 hộ, khoảng 1.700 nhân khẩu (năm 2009). Có thể nói, làng Thanh Phước không thể hiện những đặc điểm một cách đồng đều, mà lại thể hiện khá đặc thù. Ý tác giả muốn nói, điều đặc thù ấy chính là sự điển hình của làng người Kinh miền Trung. Làng có đình làng, miếu Khai canh và chùa -Hồng Phước Tự. Chùa Hồng Phước có mấy đặc điểm như sau: (1) chùa làng có chức năng trung tâm tôn giáo và gồm cả chức năng hội trường làng, (2) đối tượng được thờ cúng có hệ thống đa thần, (3) có trú trì là cư sĩ (trú trì có vợ).

<sup>2</sup> Suenari 2009.07: chương 5. Về Phong trào Chấn hưng Phật giáo thì có thể xem: Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm 2006, Lê Thọ Quốc 2009.07. Như Lê Thọ Quốc (2009.07) đã cho biết, một số ngôi chùa trong thành phố Huế có xu hướng sử dụng bố cục bàn thờ đúng truyền thống. Tuy nhiên, điều này chưa chắc là xu thế đô thị "tiên tiến" đang lôi kéo nông thôn "lỗi thời" vào việc thay đổi. E rằng như thế là cách nhìn phiến diện của người đô thị. Trên thực tế, cùng với sự phát triển kinh tế ở vùng nông thôn, nhu cầu cải tiến tự phát tại nông thôn có thể ảnh hưởng đến đô thị.

### 2.1.1. *Mối quan hệ giữa đình làng và đền Khai canh*

Khác với mô thức miền Bắc mà tác giả đã miêu tả ở phần mở đầu, tại miền Trung, không ít đình hay miếu thờ ông Khai canh ở bàn thờ chính giữa, thờ thủy tổ các dòng họ tham gia khai canh (tiền hiền) và những người có công đời sau (hậu hiền) ở bàn thờ tả, hữu. Trái lại, vị thần Thành hoàng thì không được coi trọng, không có tên riêng, được thờ trước vách tường với chữ Thần (神) trong một ngôi miếu nhỏ. Trong trường hợp làng Thanh Phước, miếu Khai canh đóng vai trò đình như ở miền Bắc. Tuy nhiên, khác với nhiều làng người Kinh ở miền Trung, vị Khai canh này được thờ với tư cách là thần Thành hoàng. Đây là điều đặc thù.

Làng vốn có đình làng với chức năng là hội trường làng. Nhưng, sau năm 1975, người dân sử dụng đình này làm văn phòng hợp tác xã nông nghiệp kiêm hội trường làng. Hiện nay, nội thất đình làng này đã không còn sàn gỗ (râm hạ) nữa, mà là nền xi-măng hay lát gạch. Được biết, cách đây mấy năm, trước khi tu sửa mái nhà, nội thất vẫn còn trang trí rỗng thể hiện kiến trúc tôn giáo (nay đã mất). Hiện nay, mặt trước chính giữa vẫn còn bàn thờ, vách tường đằng sau có chữ Thần. Nhưng, các tế tự định kỳ đã không được thực hiện tại đây. Tác giả chưa xác định được đình làng hiện nay được dân làng cảm nhận như thế nào. Đây vốn là nơi thờ thần Thành hoàng nhưng đã bị ông Khai canh buộc nhường ngôi (!) do quan hệ với triều đình, sau khi mất chức năng vẫn tồn tại một cách hình thức hay không?

### 2.1.2. *Chức năng trung tâm tôn giáo của chùa làng<sup>3</sup>*

**Sự hiện diện của “chùa làng”:** Chùa Hồng Phước là một bộ phận tổ chức làng-một cộng đồng cư dân kiên cố.

Chùa không chỉ là nơi sinh hoạt Phật giáo trong những ngày lễ như Tết Nguyên đán, Phật đản, Trung nguyên... mà còn là nơi hoạt động của các tôn giáo-tín ngưỡng luôn. Trong khuôn viên chùa có 4 am. Trong đó có 3 am thờ những đối tượng có công với làng, chứ

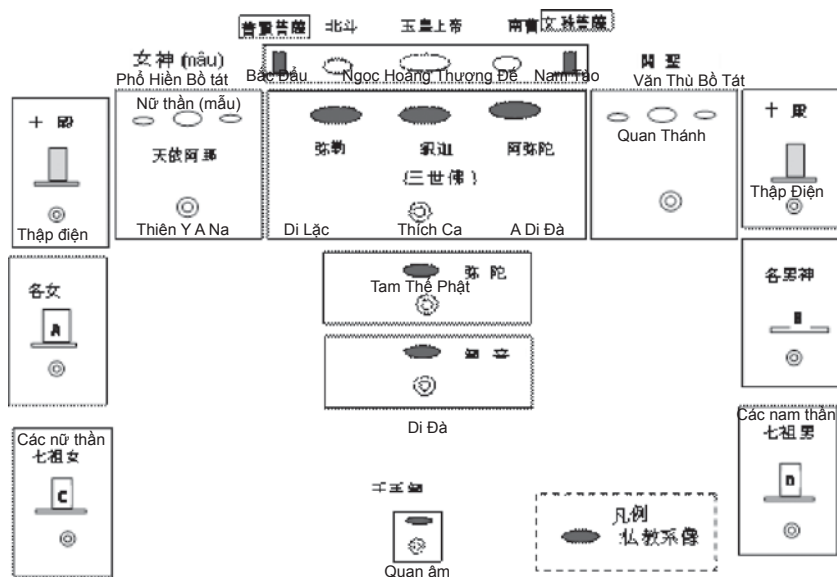
<sup>3</sup> Xem bài “Phật giáo dân gian ở Trung Bộ Việt Nam: trường hợp làng Thanh Phước”.

không phải có công với chùa (thông tin cụ thể về các công lao của những người đó thì đã bị thất lạc). Trong chính điện của chùa, người dân không chỉ thờ các pho tượng Phật, mà còn thờ các pho tượng thần-ngoài Phật giáo và thờ các bài vị ghi tên khai tổ 7 dòng họ khai canh làng. Trong các vị thần ngoài Phật giáo, có Thành hoàng, Nam Hải Cự Tộc Nghinh Thần, Kỳ Thạch Phu Nhân, là các vị thần có đền thờ riêng trong làng. Nhưng, sắc phong dành cho các vị thần này thì được chùa bảo quản. Như vậy, chùa đã đảm nhiệm một bộ phận chức năng tôn giáo của cả làng.

**Hệ thống đa thần:** Các vị thần ngoài Phật giáo và các vị Khai canh được thờ trong bàn thờ chùa.

Ở các chùa làng vẫn giữ hệ thống tín ngưỡng theo kiểu cũ, các pho tượng thần và bài vị được thờ khá đa dạng, thậm chí nhiều hơn các pho tượng Phật.

**Sự hiện diện của cư sĩ trú trì (trú trì có vợ):** Trú trì thường trú tại chùa làng không chỉ đơn giản quản lý cơ sở vật chất, mà đóng



Sơ đồ thờ tự trong chùa

vai trò quan trọng hơn như hướng dẫn tế tự của tôn giáo, tư vấn tinh thần cho tín đồ. Sự cách biệt giữa tu sĩ (xuất gia) và cư sĩ (tại gia) dựa vào có hay không có nghĩa vụ tuân thủ giới luật đã rõ ràng về mức độ kính nể của người dân đối với họ cũng như niềm tự hào của bản thân họ. Tuy nhiên, họ (tu sĩ và cư sĩ) đóng vai trò thực tế như nhau. Điều này tương tự trường hợp Nhật Bản bởi vì hầu hết cư sĩ trú trì chùa làng Nhật Bản cũng có vợ, dù điều đó trái với nguyên tắc giới luật.<sup>4</sup>

### 3. Trung tâm tín ngưỡng của người Hoa

Thành phố Huế có hai tộc người gốc Trung Quốc. Người Minh Hương đăng ký mình là dân tộc Kinh về mặt pháp lý. Người Hoa đăng ký mình là dân tộc Hoa. Ở đường Chi Lăng - phố người Hoa ở Huế có hội quán của 4 bang (Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu và Hải Nam), đều có tổ chức hoạt động tế tự định kỳ. Sau năm 1979, thành viên cộng đồng người Hoa tại Huế đã giảm xuống, nhưng cho đến nay vẫn thỉnh thoảng tập hợp thành viên và tổ chức tế tự, đêm nào cũng tổ chức lớp tiếng Hoa. Hội quán là một trung tâm để giữ gìn bản sắc của cư dân gốc Trung Quốc, nhưng không phải tất cả cư dân gốc Trung Quốc đều thuộc về từng bang. Những gia đình gốc Trung Quốc đã “được mở rộng” có thể không đến hội quán nữa, nhưng vẫn có thể duy trì ý thức bản sắc từng cá nhân hoặc từng gia đình.

#### 3.1. Thần chính được thờ trong hội quán

Các vị thần chính được thờ trong hội quán, nếu tính cả các vị thần được thờ phụ (bội tự) ở hai bên tả, hữu thì tất cả hội quán đều thờ Quan Thánh và Thiên Hậu. Điều đó khác với người Kinh. Người Kinh cũng thờ Quan Thánh-là vị thần gốc Trung Quốc khá nhiều, nhưng rất ít trường hợp thờ Thiên Hậu.

<sup>4</sup> (Chú thích của dịch giả: Một số giáo phái Phật giáo Nhật Bản có chủ trương không ủng hộ sự diệt dục, ăn chay bởi vì diệt dục và ăn chay là không tự nhiên, trái với bản năng của con người. Giáo phái không ủng hộ sự diệt dục, ăn chay, khuyến khích sự lấy vợ, ăn thịt, uống rượu điển hình là Jōdo-shinshū (Tịnh-Thổ-Chân-Tông, xuất hiện vào thế kỷ thứ 12)

Bảng các vị thần được thờ trong bàn thờ hội quán người Hoa ở Huế

Tên hội quán	Bàn thờ hữu	Bàn thờ chính giữa	Bàn thờ tả
Quảng Triệu	Tài Bạc Tinh Quân	Quan Thánh	Thiên Hậu
Phúc Kiến	Thiên Hậu, Tài Thần	Tam Vương Da, Quan Âm	Quan Thánh, Mã Viện
Triều Châu	Vương Da	Thiên Hậu	Quan Thánh
Triều Châu (Hậu ốc)	Ngũ Hành	Hương linh	Tài Thần
Quyển Phủ	Tài Thần	Thiên Hậu, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Quan Âm	Quan Thánh

### 3.2. *Mối quan hệ với Phật giáo*

Đa số người Hoa thờ tượng Quan Âm trong bàn thờ nhà, hành hương đến chùa vào dịp Tết nên có thể gọi là tín đồ Phật giáo. Tuy nhiên, người Hoa cho rằng hội quán không liên quan với Phật giáo. Ví dụ, tác giả đã chứng kiến một lão làng bang Quảng Đông phê phán bản vẽ thiết kế tu sửa giảng đường của Quảng Triệu hội quán với lý do ý tưởng mặt chính có sắc thái Phật giáo quá mạnh, không phù hợp với tinh thần hội quán người Hoa. Pho tượng Phật được thờ trong hội quán không nhiều, đặc biệt là Thích Ca Mâu Ni. Pho tượng Quan Âm được thờ trong hội quán tương đối nhiều nhưng không phổ biến lắm.

Có một số hội quán xây thêm nhà bài vị. Khác với bàn thờ đình làng người Kinh, nhà bài vị này không có bàn thờ thờ ông Khai canh, và chỉ trình bày tám bài vị ghi họ tên của những người đóng góp cho việc xây hội quán, và các bài vị khác mà thành viên mang vào đây với tư cách là cá nhân, không theo trật tự. Trước bàn thờ của nhà bài vị, thường có tượng, tranh của A Di Đà hoặc Địa Tạng.

### 3.3. *Đường thủ hội quán*

Thông thường, hội quán đều có người đường thủ (giữ nhà) được thuê, đóng vai quản lý nhà, chuẩn bị lễ vật nhưng không giữ phận sự quản trị hội quán. Trước đây, công việc này giao cho người Hoa tương đối nghèo thuộc từng bang. Hiện nay, không ít người giữ

nhà là người Kinh, và họ ở luôn trong hội quán. Chức năng có hạn chế (chỉ giữ nhà và chuẩn bị lễ vật), vị trí xã hội không được cao nên người giữ nhà này hoàn toàn khác với trú trì chùa làng người Kinh.

### 3.4. “Hoa kiều,” “người Hoa,” “người Minh Hương” và khái niệm “người Việt Nam có tổ tiên gốc Trung Quốc”

Trước khi phân tích người Minh Hương, chúng ta xác định trước khái niệm người Minh Hương-một khái niệm khá mơ hồ. Trong bài này tôi sử dụng các thuật ngữ “Hoa kiều”, “người Hoa”, “người Minh Hương” và “người Việt Nam có tổ tiên gốc Trung Quốc” như sau:

- Hoa kiều là người mang quốc tịch Trung Quốc đang ở Việt Nam.

- Người Hoa là người mang quốc tịch Việt Nam nhưng ý thức rõ nguồn gốc Trung Quốc. Về mặt hành chính, những người này thuộc diện dân tộc thiểu số.<sup>5</sup>

- Người Minh Hương là một từ ngữ được sử dụng với nhiều nghĩa khác nhau. Đây là một khái niệm không thể định nghĩa chung được. Ở đây tác giả trình bày 3 trường hợp điển hình, căn cứ vào những trường hợp trong tư liệu thực tế đã thấy là: nghĩa hẹp nhất <Minh Hương A>, nghĩa rộng nhất <Minh Hương Z> và trường hợp nằm giữa hai trường hợp cực đoan này.

<Minh Hương A> (nghĩa hẹp nhất): gọi những người hậu duệ di thần nhà Minh đã tỵ nạn sang lãnh thổ chúa Nguyễn sau khi nhà Minh bị nhà Mãn Thanh diệt vong và trở thành xã dân xã Minh Hương 明香社 (Chữ hương này có nghĩa là thơm). Chúng ta cần lưu ý vì khái niệm xã Minh Hương (đời sau đổi chữ thành 明郷社, chữ hương này có nghĩa là quê hương) vốn không phải là khái niệm thuộc địa (thuộc về đất đai) mà khái niệm thuộc nhân (thuộc về con người). Trong trường hợp ở Huế, cộng đồng Minh Hương thuộc đất Thanh Hà nên cách dùng Minh Hương tại đây mang sắc thái khái

<sup>5</sup> Theo thành phần 54 dân tộc ở Việt Nam, người Hoa hay thuộc về các thành phần như “người Hoa”, “người Ngai”, “người Sán Diu.” Đa số người Hoa thuộc về “người Hoa”, nhưng theo nhóm Noma-Nishimura (2009: trang 279-280) thì có trường hợp đăng ký “người Hán” là không nằm trong 54 thành phần dân tộc.



niệm thuộc địa (thuộc về đất đai) hơn. Tuy nhiên, cũng có nhiều người tự xưng là người Minh Hương mặc dù không phải quê gốc là cộng đồng Minh Hương ở Thanh Hà.

<Minh Hương Z> (nghĩa rộng nhất): gọi những người có một phần nào gốc Trung Quốc, chủ yếu sử dụng tại miền Nam. Tại đây cũng có trường hợp gọi người lai là Minh Hương, nhưng trong bài này tác giả chỉ tìm hiểu mấy trường hợp Minh Hương có nghĩa là người gốc Trung Quốc.

Còn có nhiều trường hợp nằm ở giữa 2 trường hợp cực đoan đã ghi trên. Định nghĩa Minh Hương là một việc cần phải làm, là một vấn đề khá lý thú. Trên thực tế, trong cộng đồng Minh Hương Huế, không ít người là hậu duệ người Trung Quốc sang Việt Nam sau Minh-Thanh thay đổi. Tiêu chí phân biệt người Minh Hương tách ra từ người Hoa là ý thức và hành động của bản thân họ. Cụ thể, ai cho mình là người Minh Hương và tham gia sinh hoạt tế tự tại Thiên Hậu Cung là người Minh Hương. Tuy nhiên, cũng có người không tham gia sinh hoạt tế tự tại Thiên Hậu Cung, nhưng vẫn cho mình là người Minh Hương. Khi nhà nghiên cứu đề cập đến vấn đề Minh Hương, từng nhà nghiên cứu phải tuyên bố rõ mình đã định nghĩa Minh Hương thế nào.

Về mặt lịch sử, chính quyền chúa Nguyễn bắt đầu áp dụng khái niệm <Minh Hương A> đối với những người di dân gốc miền Nam Trung Quốc sang đây với một số lượng lớn vào thế kỷ XVII. Khái niệm này tiếp tục áp dụng với những người gốc Trung Quốc mới sang. Lúc ấy, những người Khách thương không có ý định trở thành người Kinh (nhập quốc tịch Việt Nam) cũng được gọi là Minh Hương. Thời Gia Long nhà Nguyễn, chính quyền triều Nguyễn thiết lập một khái niệm mới- “Người Hoa thuộc các bang”, và khái niệm Minh Hương bắt đầu phản ánh thực tế hơn. Tuy nhiên, khi chúng ta tìm hiểu sự thay đổi của nền tảng duy trì Miếu Quan Công, 2 khái niệm pháp luật này- (1) Người Minh Hương A, và (2) Người Hoa thuộc các bang chưa đủ sức thuyết phục. Để bàn về vấn đề này, chúng ta phải sử dụng khái niệm thứ (3) Người Hoa ngoài Minh Hương. Người Minh Hương mà không tham gia sinh hoạt cộng

đồng Minh Hương. Khái niệm này bao gồm khái niệm (2)-“Người Hoa thuộc các bang” nhưng rộng hơn khái niệm (2) này.

“Người Việt Nam có tổ tiên gốc Trung Quốc” có tương truyền rằng “tổ tiên của ta từ Trung Quốc sang”, nhưng ý thức của họ không khác gì so với người Kinh, không có phong tục từ Trung Quốc mang sang, không để ý về Trung Quốc nhiều. Ý thức dân tộc của họ là dân tộc Kinh 100%.<sup>6</sup> Tuy nhiên, tác giả chưa gặp trường hợp này ở Huế. Trong trường hợp miền Bắc, họ vẫn ghi quê gốc của tổ tiên từ Trung Quốc sang trong mở đầu gia phả. Tác giả có cảm giác rằng, trong trường hợp miền Trung, họ chỉ ghi quê gốc trực tiếp của tổ tiên tại miền Bắc mà thôi, và không ghi quê gốc tổ tiên trước khi đến miền Bắc Việt Nam.

#### 4. Thiên Hậu Cung (Chùa Bà) trong làng Minh Thanh<sup>7</sup>

Tương truyền, Thiên Hậu Cung tại đây được xây dựng vào năm 1685, có 43 ruộng tự. Đại bộ phận cung này đã bị thiêu hủy trong chủ trương tiêu thổ kháng chiến chống Pháp năm 1946, và hầu hết tài liệu ghi chép đã bị mất.<sup>8</sup>

##### 4.1. Bố cục không gian của Thiên Hậu Cung

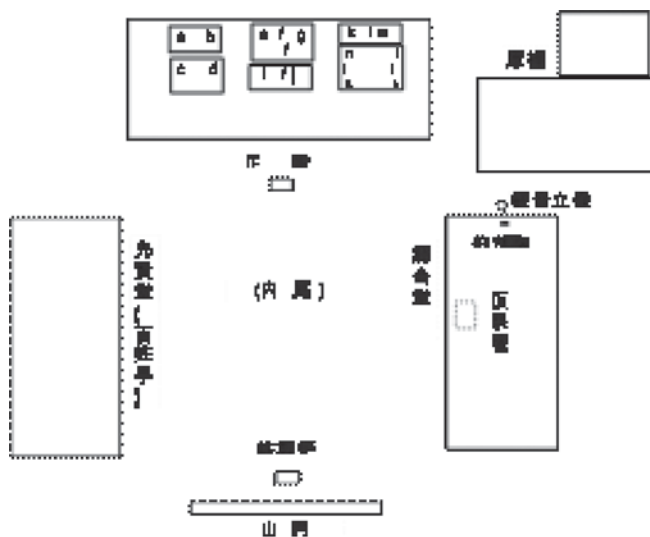
Thiên Hậu Cung có 4 không gian chính. Công trình chính là “Chính điện” ở mặt trước, công trình phụ bên hữu (nhìn từ vị thần chính được thờ) “Tiên Hiền Đường”, công trình phụ bên tả - “Hương Hội Đường”, và cuối cùng là “Tăng Gia” (tức Khố Ly). Các công trình này đều có ý nghĩa quan trọng khi nghĩ về bản chất của Thiên Hậu Cung. Chính điện thờ thần chính, Tiên Hiền Đường thờ tổ tiên sau vị khai canh, Hương Hội Đường đặt tượng thạch cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và không có bàn thờ thường thiết. Đây là nơi tổ chức yến tiệc sau lễ hội, và được sử dụng tổ chức lễ cầu an năm

<sup>6</sup> Nhà vua họ Trần được coi là dòng họ từ Phúc Kiến sang. Tuy nhiên, theo quan điểm người Việt Nam, nhà Trần vẫn là vương triều người Kinh chứ không phải là vương triều người Trung Quốc. Về dân thường cũng vậy.

<sup>7</sup> Hiện nay các họ Minh Hương trong làng Minh Thanh là: Trần, Lưu, Lâm, Nhan, Hoàng, Lý, Ky, Lê, Cam, Hồng. Trong đó, 5 dòng họ đầu tiên (Trần, Lưu, Lâm, Nhan, Hoàng) có nhà thờ họ và gia phả.

<sup>8</sup> Xem Noma-Nishimura 2009: trang 267-268

đầu, cùng các cuộc họp làng. Sự hiện diện của “Tăng Gia”- Khố Ly cho chúng ta biết đây có cư sĩ trú trì có vợ.



Bố cục thờ các vị thần trong Thiên Hậu Cung

Phạm lệ:

a. Phúc Đức Chính Thần

b. Văn Xương Đế Quân

f. Thiên Hậu

i. Thiên Lý Nhân

j. Thuận Phong Nhĩ

k, m. Chú Sinh Nương Nương, Chú Thai Nương Nương

l. Cửu Thiên Huyền Nữ

n-s, t-y. Thập Nhị Hoa Phi Công Chúa

#### 4.2. Các lễ nghi được tổ chức tại Thiên Hậu Cung (theo Âm lịch)

Ngày 01/1: Tết Nguyên đán

Tương tự việc thăm đền đầu năm của Nhật Bản, nhưng người ngoài làng không nhiều.

Ngày 16/1: Lễ cầu an

Người ngoài làng cũng tham gia, có dùng 6 cái bàn (khoảng 60 người). Trước tiên, cán bộ, già làng cúng tại miếu thờ thần Thành

hoàng. Sau đó, thành viên làng tổ chức lễ chính theo cách thức Nho giáo. Cuối cùng, làm lễ cầu an. Khi tiến hành lễ, làm bàn thờ tạm thời theo hướng tây trong Hương Hội Đường. Người tổ chức lễ là trú trì chùa. Sau khi 1 người đại diện tín đồ cúng bái và đọc chúc trước bàn thờ xong, chương trình kết thúc. Mọi người đốt vàng mã. Trú trì đốt lồng đèn và đi vòng trong hội trường để đuổi tà ma. Thông thường, ngày tổ chức lễ này là 15/1 (Lễ Thượng nguyên) nhưng ở đây tổ chức dời 1 ngày.

*Ngày 17/1: Lễ Các Bà*

Lễ này được Hội Các Bà tổ chức. Sau khi cúng bái đối với Tam Thai Thánh Mẫu Nương Nương và Thập Nhị Hoa Phi Công Chúa trong chính điện xong, thụ lộc tại Hương Hội Đường. Trên danh sách thụ lộc có đăng ký hơn 100 người nhưng thực tế tham gia là khoảng từ 30 đến 60 người. Theo lão làng hiện sống, Tam Thai Thánh Mẫu không có tên riêng, là nữ thần trông coi mang thai nhi, đẻ con và nuôi dạy con.<sup>9</sup>

*Ngày 02/2: Lễ Văn Xương Đế Quân và Phước Đức Chính Thần*

Lễ này được “Hội Văn Xương-Phước Đức” tổ chức tại Chính điện và Hương Hội Đường. Danh sách tham gia là 30 người, thực tế tham gia khoảng 5-10 người.

*Ngày 23/3: Thiên Hậu Kỵ Tế (Xuân Tế)*

Tổ chức lễ chính theo kiểu Nho giáo tại Chính điện. Đây là một sinh hoạt lớn nhất trong cung này. So với lễ cầu an (ngày 16/1), lễ này không mang tính chất lễ hội làng. Trong và ngoài làng (bao gồm hải ngoại) nhiều người đến tham gia, 10 cái bàn đều có người đầy. Đây là cơ hội mà người Minh Hương ở nhiều nơi tập trung gặp nhau.

*Ngày 10/6: Lễ Linh Quang Miếu*

Làng cúng Ngũ Hành Nữ Thần (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).

<sup>9</sup> Trong “Sổ Tế lễ” có ghi 3 bà: Chú Sinh Nương Nương, Cửu Thiên Huyền Nữ, Chú Thai Nương Nương nhưng sự phân biệt này không được truyền miệng và gọi chung là Tam Thai Thánh Mẫu. Điều này cũng thú vị bởi vì nó cũng phản ánh một xu hướng chung ở Việt Nam, là mai một tên nữ thần Cửu Thiên Huyền Nữ.

Lễ vật là trái cây, thịt heo. Trong làng người Kinh, Linh Quang Miếu có thể xây dựng bên cạnh Âm Linh Tự (am thờ cô hồn); nhưng ở đây là một công trình độc lập, còn việc thờ cúng cô hồn thì được tổ chức theo kiểu thăm mộ.

*Ngày 16/7: Vu Lan Bồn*

Lễ này tổ chức tại Tiên Hiền Đường. Đối tượng được thờ là khai tổ làng, quan chức triều đình, viên chức làng. Để gọi chung các thành phần tham gia, có dùng từ “Bách hộ (Bá hộ)”, “Thập Nhị Tông Phái.” Thông thường, ngày tổ chức lễ này là ngày 15/7, nhưng ở đây tổ chức dời 1 ngày.

*Ngày 22/11: Ngày sinh Trần Tiễn Thành*

Trần Tiễn Thành được thờ trong miếu bên phía bắc của Thiên Hậu Cung. Ông đã thi đỗ tiến sĩ, giữ các chức Khâm sai đại thần, Binh bộ Thượng thư, là người thành công nhất trong quan trường mà xuất thân là Minh Hương ở Huế. Ông đã đóng góp 42 mẫu ruộng cho làng,<sup>10</sup> một người có công lớn nên dân làng cúng và nhớ ơn nhân dịp sinh nhật của ông.

*Ngày 16/12: Thờ cô mộ (thờ vô tự mộ)*

Thành viên Minh Hương thờ cô mộ đằng sau khu dân cư của làng (bên phía tây). Khoảng 50 người chia thành 3 nhóm. Sau khi cúng xong, người dân tập trung ở Hương Hội Đường để thụ lộc.

Như chúng ta đã thấy rõ trong các nội dung lễ nghi này,<sup>11</sup> Thiên Hậu Cung ở Minh Hương khác với Mã Tổ Miếu người Hán ở một chỗ: không chỉ tổ chức lễ Thiên Hậu (Mã Tổ) mà còn tổ chức lễ đình làng và chùa làng người Kinh. Có một điều tác giả thắc mắc, tại sao ở đây tổ chức lễ 15/1 (Thượng Nguyên) và 15/7 (Trung Nguyên) thì dời lui 1 ngày (tổ chức ngày 16/1 và 16/7)? Tôi thiết nghĩ, nếu tổ chức đúng ngày 15/1, 15/7 thì các cháu mẫu hệ, các con lấy chồng ra

<sup>10</sup> Theo một ông già thì không phải 42 mẫu mà là 36 mẫu.

<sup>11</sup> Theo “Sổ Tế lễ,” đêm trước lễ chính tại Chính điện, Tiên Hiền Đường, Văn Minh Miếu, Thành Hoàng Miếu, tổ chức lễ tức yết một cách chính thức. Việc tổ chức lễ tức yết vào đêm trước lễ chính là một việc phổ biến tại các hội làng người Kinh.

ngoài làng khó tham dự vì họ cũng phải tham gia sinh hoạt của làng mình, nên tổ chức dời 1 ngày để không chỉ tập hợp con cháu phụ hệ mà có thể tập hợp được tất cả thành viên Minh Hương.

### **4.3. Vị trí tôn giáo của Thiên Hậu Cung**

Thiên Hậu Cung vốn là miếu người Hoa được di dân từ miền Nam Trung Quốc (chủ yếu là từ Phúc Kiến) sang xây dựng. Trong khung xã hội Minh Hương ở Việt Nam, hoạt động tín ngưỡng của Thiên Hậu Cung có biến dạng như thế nào? Tác giả sẽ tìm hiểu, phân tích về từng yếu tố: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian.

#### **4.3.1. Yếu tố Nho giáo**

Tế lễ cơ bản được thực hiện đúng theo thứ tự Nho giáo. Người tiến hành lễ nghi mặc quan phục. Trước đây, người trú trì tiền nhiệm có lúc mặc áo cà sa màu vàng tham gia, nhưng ông này không đóng vai chính hoặc vai điều khiển chương trình, mà đóng vai độc chúc (đọc văn sớ), vì cư sĩ trú trì tiền nhiệm là một người am hiểu chữ Hán. Những người tham gia bình thường cũng hay mặc áo trắng hoặc áo lam, là áo quần hay mặc trong sinh hoạt Phật giáo. Lễ nghi được tiến hành theo kiểu Nho giáo có thể bảo lưu phong cách từ Trung Quốc mang sang, nhưng điều này cũng có thể thấy trong tế tự đền miếu thuần Việt nên không thể nói được rằng “Truyền thống Trung Quốc chưa được/bị Kinh hóa”. Tuy nhiên, (1) nền giáo dục trong gia đình, (2) sự phân biệt yếu tố Phật giáo mà dưới đây tác giả sẽ trình bày là mấy điểm khác biệt giữa Trung Quốc và Việt Nam.

#### **4.3.2. Yếu tố Phật giáo**

Mặc dù Thiên Hậu Cung được gọi là Chùa Bà, nhưng bô lão làng Minh Hương thấy Thiên Hậu Cung là một công trình tôn giáo khác với Phật giáo. Sự kiện mang tượng Quan Âm ra ngoài cung xảy ra lúc Xuân tế năm 2004 đã làm rõ cách nhìn truyền thống này. Năm đó, Việt kiều Minh Hương ở Mỹ đã cúng (tặng) pho tượng Quan Âm đá trắng cao 2m. Pho tượng này một lần được mang vô hồi lang Chính điện. Nhưng, ngày sinh nhật của Thiên Hậu (bà Mã

Tổ), những người tín đồ Thiên Hậu đã mang pho tượng này ra ngoài, và đặt ở mặt trước Khố Ly, lưng sát với mặt bắc Hương Hội Đường, quay hướng bắc. Lý do mang pho tượng Quan Âm ra ngoài là, nếu có tượng này thì khó cúng món ăn mặn. Có một người già làng đã tiết lộ rằng, Vu Lan Bồn là sinh hoạt Phật giáo nên không phù hợp lắm với chức năng Chính điện-là nơi thờ Thiên Hậu (Mã Tổ). Có thể nói, tổ chức Vu Lan Bồn vào ngày 15/7 tại Thiên Hậu Cung có phải là mới đây hay không?<sup>12</sup>

Mặc dù được gọi là chùa, nhưng không thờ tượng Phật, không liên quan với Giáo hội Phật giáo và không có hoạt động Gia đình Phật tử. Tuy nhiên, trước bàn thờ mặt trước thờ Thiên Hậu (Mã Tổ), có một pho tượng Quan Âm trong hộp kính, có chữ Hán bên trên, tả, hữu như: *Đô Phổ Quang Từ, Bạch Liên Đài Thương Như Lai Phật, Tử Trúc Lâm Trung Quan Thế Âm*. Đây là câu đối liên quan đến hàng hải an toàn, một chức năng chính của Thiên Hậu (Mã Tổ) nhưng nội dung hoàn toàn mang tư tưởng Phật giáo. Cách đây 15 năm, khi lần đầu tiên đến Thiên Hậu Cung, tác giả đã thấy pho tượng này. Hơn nữa, trong một vài năm gần đây, trên bàn thờ Thập Nhị Hoa Phi Công Chúa bên tả cũng có thêm 4 pho tượng Quan Âm nhỏ. Sự thâm nhập của yếu tố Phật giáo khiêm tốn này sẽ tiếp tục diễn ra cùng với sự tiến triển của người Kinh hóa Thiên Hậu Cung.

Ngày 15/1 (ở đây tổ chức lễ này vào ngày 16/1), các tín đồ làm lễ cầu an tại gia (thực tế các văn sớ cho hay nguyện vọng chính của họ là mang thai nhi, sinh sản và nuôi dạy con). Các cá nhân viết văn sớ gửi đến Tam Bảo là đứng đầu, trước thần chính tại đây-tức là Thiên Hậu Mã Tổ. Thông thường, dù gửi đến các vị thần (không phải là Phật), thỉnh thoảng thấy văn sớ ghi ý nguyện gửi cho Phật trước (có lúc thì có, có lúc thì không). Khi viết văn sớ gửi cho nhiều vị thần- Phật, ở Thiên Hậu Cung thì gửi đến Phật trước. Điều này thể hiện tư duy của tín đồ vẫn ưu tiên Phật trước. Tác giả đã thấy, trong lễ tang cư sĩ trú trì tiền nhiệm, trước khi nạp quan tài, phụ nữ tập trung và đọc kinh niệm Phật. Điều này không thể thực hiện ngẫu

<sup>12</sup> Trong "Sổ Tế lễ" không đề cập đến lễ Trung Nguyên vào ngày 15/7. Nếu tác giả "Sổ Tế lễ" không chấp nhận lễ đó là chính tế thì tất nhiên không đề cập lễ ấy.

hứng được, mà phải có rèn luyện hằng ngày. Bên cạnh cộng đồng Minh Hương, có Niệm Phật Đường của chùa Vinh Xuân-thôn Địa Linh. Nhưng, đàn bà lớn tuổi Minh Hương có thể thường xuyên đến thăm và tham gia sinh hoạt Niệm Phật Đường chùa Vinh Xuân hay không? Tác giả cảm thấy trước đây (và hiện nay?) có một không gian Phật giáo rèn luyện đọc kinh niệm Phật trong Thiên Hậu Cung, mà nhân vật chính chắc là cư sĩ trú trì tiền nhiệm.<sup>13</sup>

#### 4.3.3. *Yếu tố Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian*

Thiên Hậu tức Mã Tổ là một vị thần không phổ biến trong Việt Nam, chính vì thế, tính cách của Thiên Hậu được bảo lưu tương đối nguyên vẹn. Tính hiền lành của Thiên Hậu đã được kết hợp với tính hiền lành của Quan Âm, và tín đồ cúng (tặng) nhiều pho tượng Quan Âm cho Thiên Hậu Cung. Tương truyền, pho tượng đứng trước pho tượng Thiên Hậu là con trai của Thiên Hậu. Nếu thuyết minh này được nhiều người chấp nhận thì hiện tượng này chỉ thấy ở Việt Nam, là một cách tiếp nhận tín ngưỡng Thiên Hậu tại Việt Nam mà không thấy ở Trung Quốc. Nữ tín đồ có thể quan tâm các pho tượng nữ thần đằng sau bên tả của Thiên Hậu hơn là bản thân Thiên Hậu. Các nữ thần này có chức năng là mang thai nhi, sinh sản an toàn, nuôi dạy con. Sau khi lễ tế xong, hay là ngày thường, tác giả đã thấy không ít nữ tín đồ đến gặp cư sĩ trú trì tiền nhiệm, tâm sự, nhờ cúng. Riêng, việc đuổi tà ma bằng lửa trong lễ cầu an thì không thấy trong lễ cầu an làng người Kinh.

Khi tác giả đọc văn sớ cầu an ngày 15/1, có một điều thắc mắc: Thứ tự các vị thần Phật được liệt kê trong văn sớ là Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo, Nam Mô Thiên Hậu Thánh Mẫu, Tam Thai Thánh Mẫu Nương Nương, sau đó có nữ thần Ngũ Vị Thánh Bà Tiên Nương. Sau nữ thần này tiếp tục có các vị thần: Thập Nhị Đàn (Hoa?) Nương Công Chúa, Văn Xương Đế Quân, Phước Đức Chính Thần... Trong các vị thần Phật này, chỉ có Ngũ Vị Thánh Bà Tiên Nương không có pho tượng trong chính điện, không được đề cập trong “Sổ Tế lễ”. Các vị nữ thần này có thể là thần Ngũ Hành.

<sup>13</sup> Tuy nhiên, vẫn có khả năng là những người phụ nữ đọc kinh niệm Phật cho sư quá cố này không phải là bà con trong làng, mà là gia quyến của sư trú trì, học tập đọc kinh niệm Phật ở làng khác.



#### 4.3.4. Các tổ chức Hội Các vị thần

Thiên Hậu Cung có một số tổ chức như Hội Văn Xương-Phước Đức, Hội Vía các bà đề thờ các vị thần. Đây là một cách tổ chức thực hiện thờ thần theo phong tục người Hoa, ít thấy ở Việt Nam.

#### 4.3.5. Vị trí của cư sĩ trú trì

Trong khuôn viên Thiên Hậu Cung có gia đình cư sĩ trú trì ở. Điều này cũng tương tự với chùa làng Việt Nam. Trú trì tiền nhiệm đã mất vào tháng 1 năm 2008 (Dương lịch), hưởng thọ 80 tuổi. Ông thừa kế nghề này từ thời ông nội, bản thân ông là người thứ 3 kể từ ông nội. Từ 17 tuổi ông bắt đầu học chữ Hán và cách tổ chức lễ nghi. Ông thuộc hết nội dung văn số, không sử dụng nguyên văn (văn số) in sẵn mà tự viết bằng tay. Tác giả có thể bút đàm được với ông này bằng chữ Hán, là một nhân vật hiếm thấy ở Việt Nam hiện nay. Ông không chỉ được đào tạo căn bản về chuyên môn, chức năng tôn giáo, mà là một người có thái độ và ăn mặc lịch sự, ôn hòa, được nhiều tín đồ, phụ nữ tin cậy. Đồng thời, ông là một người tiên hành lễ nghi với năng khiếu sâu sắc, khi thực hiện lễ đuổi tà ma bằng gậy đốt lửa mạnh, hành động của ông thật ấn tượng. Tác giả cảm thấy, sự hiện diện của chuyên gia-chức năng tôn giáo như ông này cũng là một yếu tố quan trọng tăng thêm uy tín của Thiên Hậu Cung. Hiện nay, con trai của ông đã nối nghề, làm trú trì đương nhiệm, sinh sống trong nhà Tăng Gia (Khố Ly) và quản lý Thiên Hậu Cung. Do chưa nắm được chuyên môn lễ nghi tôn giáo, nên khi tổ chức lễ thường hay mời ông thầy cúng ở làng bên cạnh là làng Thanh Phước, cách làng 3 km. Trước đây, phần lớn thu nhập của gia đình trú trì nhờ tiền đóng của phụ nữ thực hiện lễ cầu con. Ông trú trì hiện nay không làm được lễ này nên so với trước đây phụ nữ ít đến Thiên Hậu Cung. Quản trị Thiên Hậu Cung hiện nay không lạc quan lắm. Nhưng, theo tác giả, ông trú trì vẫn có đủ khả năng thực hiện tất cả mọi việc liên quan đến lễ tế và các hoạt động lễ nghi, nên vai trò trung tâm cộng đồng Minh Hương của Thiên Hậu Cung sẽ không bị ảnh hưởng. Vấn đề thiết thực hơn hiện nay là làm sao duy trì, thừa kế chức năng Ban Tế lễ cho bộ lão trong làng đời sau, cũng như làm sao khắc phục xu hướng chung của giới trẻ là ít quan tâm đến truyền thống.

### 5. So sánh với Quan Thánh Điện (Chùa Ông) ở Địa Linh

Hoàn toàn khác với Thiên Hậu Cung ở cộng đồng Minh Hương, Quan Thánh Điện ở Địa Linh không có chức năng trung tâm cộng đồng. Trong khuôn viên này không có Tiên Hiền Đường. Khi người Minh Hương nói “Chùa Bà là miếu Minh Hương,” nghĩa là Chùa Bà có hoạt động làm trung tâm của khu vực. Nhưng, mặc dù người Địa Linh nói “Chùa Ông là miếu Địa Linh,” nhưng điều đó chỉ thể hiện là công trình Chùa Ông nằm trong phạm vi hành chính làng Địa Linh mà thôi, chứ không phải là Chùa Ông có chức năng trung tâm cộng đồng của khu vực.

Lý do tại sao hai công trình kiến trúc gốc Trung Quốc này mang tính chất khác nhau như thế? Có thể nói, sự khác biệt tính chất công trình tôn giáo này bắt đầu từ sự khác biệt của tín đồ. Thiên Hậu Cung vốn là trung tâm tinh thần của người Minh Hương, và cho đến nay vẫn như thế. Còn Quan Thánh Điện cũng vốn là vậy. Nhưng, tôi thiết nghĩ, đời sau, Quan Thánh Điện được người Hoa khách thương tiếp tục hình thành và duy trì.<sup>14</sup> Bởi vậy, khi nhiều người Hoa khách thương hoạt động tại đây thì Quan Thánh Điện cũng phát triển, như chúng ta vẫn thấy trong quy mô khuôn viên, pho tượng, hoành phi, câu đối... Và khi họ đã ra đi, Quan Thánh Điện đã mất người duy trì chính của nó.

Có một điều cần lưu ý là, có sự khác biệt tính cách, nghề nghiệp của người Kinh giữa hai làng Thanh Hà và Địa Linh. Người Kinh tại đây là người bản địa. Sau đó, tổ tiên người Minh Hương từ Trung Quốc sang, (với sự hỗ trợ của chúa Nguyễn) họ đã mua lại đất một bên 800m của Thiên Hậu Cung, Quan Thánh Điện từ người Kinh Địa Linh, đặt tên “Thanh Hà” và định cư. Một thời gian sau, trong thời kỳ Tây Sơn, xảy ra tranh chấp đất đai giữa Minh Hương (không biết Minh Hương lúc ấy có bao gồm người Hoa ngoài Minh Hương hay không?) và người Kinh Địa Linh. Cuối cùng, người Kinh Địa Linh đã thu hồi được một phần đất (Noma-Nishimura 2009: trang 267). Hiện nay, có một giếng cổ làm ranh giới giữa Địa Linh và Minh Hương nằm cách Quan Thánh Điện 300m, cách Thiên Hậu Cung 500m. Đây có thể là dấu vết thời ấy.

<sup>14</sup> Điều này là giả thuyết của tác giả, chưa có minh chứng.

Nếu như vậy, thì Minh Hương đã bị chính quyền Tây Sơn buộc phải nhượng bộ cho Địa Linh. Sau khi nhà Nguyễn thay nhà Tây Sơn, có người Minh Hương làm quan chức cao cấp họ Đồng (Mậu Tài thôn, đồng tộc khai tổ) phục vụ nhà Nguyễn. Có vẻ người Minh Hương thân cận, hợp tác tốt hơn với chính quyền nhà Nguyễn.

Về mặt sinh kế, đa số người Minh Hương làm nghề buôn bán, thủ công, làm thuê, không làm nông nghiệp. Cấu trúc nghề nghiệp của Minh Hương giống Địa Linh và xa Thanh Hà (Thanh Hà vốn là làng thuần nông). Thiên Hậu Cung của cộng đồng Minh Hương sát với nông thôn thuần Việt (Thanh Hà), dần dần thích nghi cấu trúc làng người Kinh và trở thành trung tâm của cộng đồng. Còn Quan Thánh Điện thì, tôi thiết nghĩ, vừa lôi kéo người Kinh làm nghề ngoài nông nghiệp, vừa đáp ứng nhu cầu người Kinh, nhưng vẫn duy trì tính chất “miếu người Hán” và phát triển đến hôm nay. Trong khuôn viên Quan Thánh Điện có chùa Phật giáo-Linh Quang Tự. Tác giả cảm thấy, không có sự tác động người Kinh, không thể có chuyện trong miếu có chùa.

Địa Linh vẫn có mấy hộ người Minh Hương. Mặc dù cư trú ở Địa Linh, nhưng họ là tín đồ Thiên Hậu Cung. Người Kinh ở Địa Linh có đình làng riêng, có tế tự thần khai canh và duy trì, củng cố cộng đồng của mình. Làng Địa Linh có Âm Linh Ngũ Hành Từ thờ cô hồn, Thiên Y A Na Miếu được nhà Nguyễn sắc phong, có các hoạt động cộng đồng quy mô làng cũng như quy mô xóm. Quan Thánh Điện đã tồn tại đến hôm nay, hầu như không liên quan gì với các hoạt động tế tự của cộng đồng người Kinh trong khu vực. Thiên Hậu Cung và Quan Thánh Điện có sự khác biệt lớn về tiền đóng góp từ hải ngoại (Thiên Hậu Cung nhận được tiền nhiều hơn). Điều đó không phải là ngẫu nhiên, mà cũng phản ánh dân số người Hoa có ý thức nguồn gốc Địa Linh, địa bàn của Quan Thánh Điện ít hơn.<sup>15</sup>

<sup>15</sup> Có một điều tác giả thắc mắc là, sự tồn tại của chùa Linh Quang (người Kinh xây) đằng sau Quan Thánh Điện. Trong lưu bằng sắt có pho tượng Quan Âm niện hiệu Càn Long. Như vậy, niên đại xây khuôn viên này là cuối thế kỷ XVIII. Điều này có nghĩa là ngay từ đầu cư dân người Kinh đã tham gia việc hình thành và phát triển Quan Thánh Điện (và Linh Quang Tự). Tuy nhiên, mối liên quan giữa Quan Thánh Điện và cư dân người Kinh không mạnh lắm, và mối quan hệ ấy đã không làm trở ngại cư dân người Kinh xây dựng và phát triển được đình làng riêng, miếu vũ riêng.

Sau khi Địa Linh tách ra khỏi từ Minh Hương về mặt hành chính, và khách thương người Hoa không tới nữa thì, đối với cư dân người Kinh, Chùa Ông không đóng vai trò trung tâm tín ngưỡng của cộng đồng khu vực như chùa làng,<sup>16</sup> không phải là một tôn tại mà dân làng gắn bó về mặt tinh thần. Hiện nay, Quan Thánh Điện là một di tích lịch sử có vai trò văn hóa-lịch sử, nếu chính quyền và nhân dân tận dụng thì sẽ đóng góp được cho việc phát triển du lịch. Tuy nhiên, tác giả thiết nghĩ, Quan Thánh Điện sẽ mãi mãi không đóng vai trò kiến trúc tôn giáo tập hợp dân làng như Thiên Hậu Cung.

### **Thay lời kết: Đặc điểm kết hợp cộng đồng Minh Hương**

#### ***1. Hai con đường trong quá trình Kinh hóa: Minh Hương và người Hoa***

Cộng đồng Minh Hương ở Huế đã thay đổi tính cách của nó từ tính thuộc nhân (dựa vào người) sang tính thuộc địa (dựa vào đất) thông qua việc biến nơi thờ cúng thần gốc Trung Quốc và các bệ thần (tức Thiên Hậu Cung) thành nơi thờ Tổ Khai canh, mang chức năng hội trường làng, và Thiên Hậu Cung trở thành một trung tâm ý thức bản sắc của cộng đồng Minh Hương.

Đặc điểm này khác với cộng đồng người Hoa ở Huế là dựa vào các hội quán của 4 bang ở đường Chi Lăng. Tuy nhiên, tổ chức người Hoa ở Huế không quy mô như ở Sài Gòn (Chợ Lớn), và sau 1979 dân số giảm đáng kể, không có khả năng phát huy tính độc đáo nữa; xu hướng Kinh hóa khá mạnh mẽ. Nhìn bề mặt, người Hoa ở Huế đang đi theo con đường mà người Minh Hương ở Huế đã đi

<sup>16</sup> Hiện nay, trong khu vực Địa Linh có chùa Vinh Xuân được xây dựng vào giữa thế kỷ XX. Lúc đầu, dân làng đặt pho tượng trong chiến hào quân đội Pháp (tác giả phỏng vấn dân làng cách đây 10 năm), sau đó trở thành một ngôi chùa. Khoảng năm 1949, Khuông Hội Địa Linh (Khuông Hội là trung tâm tín ngưỡng khu vực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo) được thành lập trong chùa Quan Công (tức Quan Thánh Điện). Hai năm sau, trụ sở Khuông Hội di dời đến chùa Vinh Xuân và thành lập Niệm Phật Đường (Diễn cách này dựa vào minh văn chuông chùa Vinh Xuân). Chúng tôi chưa xác minh được lý do tại sao di dời Khuông Hội từ chùa Quan Công sang Niệm Phật Đường của chùa Vinh Xuân. Có thể nói, điều này cũng chứng tỏ rằng mối quan hệ tín đồ Phật giáo ở Địa Linh và chùa Quan Công không chặt chẽ lắm.

qua, nhưng hội quán người Hoa sẽ không thay đổi vai trò như Thiên Hậu Cung của người Minh Hương ở Huế. Không thể khẳng định được cái gọi là “Minh Hương hóa người Hoa”. Điều tác giả đang quan tâm là, trong quá trình biến đổi này, Minh Hương và người Hoa sẽ mang tính khác biệt như thế nào?

## **2. Đặc điểm tổ chức Minh Hương**

Quyền làm thành viên Minh Hương không chỉ thuộc về nam hệ (phụ hệ) mà bao gồm cả con, cháu nữ hệ. Tức là, thân phận Minh Hương có thể kết nối được thông qua “con của con gái”, “ông ngoại”. Nhìn bề mặt, điều này tương tự với tục tế tự ngoại tộc của người Kinh. Trái với các trường hợp người Kinh như làng Thanh Phước (quan hệ ngoại tộc là quan hệ cộng đồng), ở Minh Hương, mỗi quan hệ này mang tính cá nhân nhiều hơn. Có thể nói, ý thức thuộc về cộng đồng Minh Hương không phải là ý thức thành viên tập thể, mà là ý thức thành viên tự giác của từng cá nhân đối với một phạm trù-cộng đồng Minh Hương, và họ sẽ nhận được quyền thành viên thông qua sự tham gia về các hoạt động của nó.<sup>17</sup>

Duy trì tổ chức nhờ “phạm trù” thì không dễ, nhưng, Minh Hương có một trung tâm cộng đồng là Thiên Hậu Cung, và có khu dân cư thành viên từ xưa (tức làng Minh Hương), và nay vẫn còn nhiều thành viên hạt nhân ở lại làng, nên tổ chức Minh Hương luôn luôn có đủ điều kiện để tồn tại một cách hữu hiệu.

## **3/ Những vấn đề đặt ra**

Một là, như tác giả so sánh với làng Thanh Phước-một làng không liên quan đến Minh Hương,<sup>18</sup> tác giả muốn so sánh cộng đồng Minh Hương với cộng đồng người Kinh ở Thanh Hà, Địa Linh là

<sup>17</sup> Theo phân loại tập đoàn thân tộc, hệ thống thành viên theo kiểu này có thể đối ứng với tập đoàn Xuất tự Tuyền hệ. Đây là một cách ý thức huyết thống đa hệ. Tập đoàn này không có sức mạnh đoàn kết như tập đoàn có ranh giới rõ ràng đơn hệ (phụ hệ, mẫu hệ), nhưng có đặc điểm mềm dẻo, dễ thích nghi với môi trường thay đổi.

<sup>18</sup> Không có liên quan về mặt cấu trúc xã hội mà thôi. Trên thực tế, Minh Hương nằm trên đường từ Thanh Phước đi Huế nên nhiều người Thanh Phước có bà con ở Minh Hương, có làm ăn tại làng Minh Hương. Nói chung, người Thanh Phước biết về Minh Hương tương đối nhiều.

những khu vực đã có quan hệ mật thiết trong cùng một bối cảnh lịch sử. Nếu sử dụng được tài liệu lịch sử các làng này, thì phương pháp so sánh này sẽ hữu hiệu hơn.

Hai là, trái với phương pháp nghiên cứu trước đây- là nghiên cứu khu dân cư như phố người Hoa hay làng Minh Hương, từ nay đến sau nên nghiên cứu đối tượng được mở rộng, phân tán. Cụ thể là tích lũy nghiên cứu từng trường hợp ở lại làng Minh Hương (những người đã Kinh hóa) và giữ lại ý thức dân tộc Hoa. Thông qua công việc này, chúng ta có thể làm rõ được sự khác biệt giữa Quan Thánh Điện và Thiên Hậu Cung. Nếu chúng ta tìm thấy được tài liệu lịch sử làm rõ niên đại khách thương người Hoa cư trú trên địa bàn Địa Linh, Bao Vinh đến năm nào, thì suy luận của tác giả sẽ có bằng chứng.

Ba là, làm rõ vị trí của cộng đồng Minh Hương ở Huế trong nghiên cứu Minh Hương. Cũng là Minh Hương, nhưng Minh Hương ở Hội An, Minh Hương ở miền Nam có hội quán riêng, vẫn có sự đoàn kết chặt chẽ.<sup>19</sup> Ở miền Nam, cái gọi là Minh Hương mang tính thuộc nhân nhiều hơn, không hình thành một cộng đồng khu vực mạnh mẽ như ở Huế. Ở miền Bắc, tác giả không biết có khái niệm Minh Hương trong lịch sử hay không. Tuy nhiên, những gia đình gốc Trung Quốc ở Phố Hiến có thể có mấy đặc điểm tương tự với Huế, tác giả rất mong nghiên cứu so sánh giữa Minh Hương ở Huế và Phố Hiến.<sup>20</sup>

Tác giả đã viết bài báo cáo này không có đầy đủ tư liệu trong tay, nên phần lớn nội dung bao gồm cả phần suy luận. Rất mong độc giả chỉ ra những hiểu nhầm và góp ý cho suy luận của tác giả. Mong

<sup>19</sup> Xem Tổng Quốc Hưng 2007, Trương Duy Trì 2007.

<sup>20</sup> Tác giả đã gửi đơn đề nghị khảo sát Phố Hiến và được hướng dẫn đến thăm cách đây 15 năm (1994) và làm được một tư liệu. Tác giả cảm thấy giống phố người Hoa hơn là Minh Hương, nhưng có chùa người Kinh thờ Thánh Mẫu. Rất mong được quay lại Phố Hiến để tìm hiểu biến đổi sau này và so sánh với Minh Hương ở Huế. Về Minh Hương miền Nam, bên cạnh Chợ Lớn có vùng Minh Hương mệnh mông như Vĩnh Long. Mặc dù tác giả không đủ sức để tìm hiểu và tổng hợp vùng này, nhưng rất mong người có ý chí nghiên cứu khu vực này.

rằng bài viết này có đóng góp ít nhiều cho việc làm rõ những vấn đề đang được đặt ra.

### Tài liệu tham khảo

- 張惟持 (Trương Duy Trì)(2007) 「越南会安明郷張敦厚族 会安における生活と統合の過程」(三尾科研研究討論会論文)。
- Đỗ Bang (1996) *Phố cảng vùng Thuận Quảng (Hội An-Thanh Hà-Nước Mặn) thế kỷ XVII-XIII*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- Hang Trong So (2000) *Contemporary Buddhism in Vietnam: A Focus on the Hue Area*. Ph.D.Dissertation to. Graduate School of Aichi Gakuin University).
- Lê Thọ Quốc (2009.7), “Quá trình thiết trí điện thờ một số vị thần ở các chùa Huế hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *Nhận thức về Miền Trung Việt Nam-Hành trình 10 năm nghiên cứu* (Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam- Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế).
- 三尾裕子 (Mio Yuko)(2009), 「華僑(…)華人—中部」 『ベトナム文化人類学文献解題 - 日本からの視点 -』 風響社。
- 野間晴雄(…)西村昌也ほか (Noma Haruo/ Nishimura Masaya et.al)(2009), 「ベトナムのフエ旧外港集落の天后宮と閔聖殿の調査基礎報告」 『東アジア文化交渉研究』 2号。
- 大西和彦 (Onishi Kazuhiko), n.d. 「ベトナム仏教とその現状」。
- 宋国興 (Tống Quốc Hưng)(2007), 「古会安商港における華人と明郷人」(三尾科研研究討論会論文)。
- 末成道男 (Suenari Michio)(1982), 「東埔の村と祭—韓国漁村調査報告」 『聖心女子大学論叢』 59集:123-218頁。
- 末成道男 (Suenari Michio)(1985a), 「東埔の祖先祭祀—韓国漁村調査報告」 『聖心女子大学論叢』 65集:5-96頁。
- 末成道男 (Suenari Michio)(1985b), 「村廟と村境」 『文化人類学』 :255-260
- 末成道男 (Suenari Michio)(1993), 「功德儀礼の二つの型」 『東洋文化研究所紀要』 116:1-60.
- 末成道男 (Suenari Michio)(1998), 『ベトナムの祖先祭祀—潮曲の社会生活』 風響社。
- 末成道男 (Suenari Michio)(2009), 「華僑(…)華人—フエ」 『ベトナム文化人類学文献解題 - 日本からの視点 -』 風響社。
- 末成道男 (Suenari Michio)(2009.07), Buddhism at the grassroots level in the Central Vietnam from a field research in Thua Thien Hue. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Nhận thức về Miền Trung Việt Nam-Hành trình 10 năm nghiên cứu”*. (Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam-Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế). n.d 「静かに溶けていつた中国系移民の末裔とその意味」 『FIELD+』 (….)号 (東京外国語大学AA研).
- Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Văn hóa, Sài Gòn.